

**KẾ HOẠCH**

**Sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận 102-KL/TW, ngày 22/9/2014  
của Bộ Chính trị (khóa XI) về hội quần chúng**

-----

Thực hiện Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW, ngày 30/11/2018 của Ban Chỉ đạo sơ kết Kết luận 102-KL/TW Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch sơ kết Kết luận 102-KL/TW như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Đánh giá kết quả 05 năm triển khai thực hiện Kết luận 102-KL/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh, làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện; trên cơ sở đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ, và giải pháp thực hiện Kết luận đạt hiệu quả cao hơn trong thời gian tới.

2. Công tác sơ kết phải đảm bảo nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, sát với tình hình thực tế của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

**II. NỘI DUNG SƠ KẾT**

1. Đánh giá kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện Kết luận 102-KL/TW.

2. Kết quả thực hiện Kết luận 102-KL/TW trên địa bàn toàn tỉnh

3. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm

4. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

5. Đề xuất, kiến nghị

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC SƠ KẾT**

**1. Đối với cấp ủy cơ sở**

Các địa phương, đơn vị tự kiểm tra, xây dựng báo cáo gửi về cấp ủy cấp trên, không tổ chức hội nghị sơ kết. Hoàn thành việc tự kiểm tra và gửi báo cáo sơ kết về cấp ủy cấp trên trước ngày 15/3/2019.

2. Đối với các huyện, thành ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tổng hợp tình hình, xây dựng báo cáo sơ kết gửi về Ban Thường vụ

Tỉnh ủy (qua Ban Dân vận Tỉnh ủy) theo Đề cương chi tiết gửi kèm trước ngày 22/3/2019.

### 3. Đối với cấp tỉnh

Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo Ban Chỉ đạo sơ kết Kết luận 102-KL/TW Trung ương trước ngày 30/3/2019.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ các huyện, thành ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

2. Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan khảo sát thực trạng hoạt động của một số hội quần chúng làm cơ sở đánh giá đúng tình hình hoạt động và tham mưu hướng chỉ đạo trong thời gian tới.

3. Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận 102 của Bộ Chính trị trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo Ban Chỉ đạo sơ kết Kết luận 102-KL/TW Trung ương. *TR*

Nơi nhận:

- Ban Dân vận Trung ương (Hà Nội, T78),
- Các đ/c UVBTVTU,
- Các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy,
- Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, các Đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Lưu VPTU, XD<sub>3</sub>.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**Trần Đức Quận**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Kết 5 năm thực hiện Kết luận số 102-KL/TW**  
**của Bộ Chính trị về hội quần chúng**  
**(Kèm theo Kế hoạch số 15 -KH/TU, ngày 08 tháng 3 năm 2019)**

**Phần thứ nhất****Kết quả triển khai, thực hiện Kết luận số 102-KL/TW****I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VIỆC QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN****1. Đặc điểm tình hình:**

Khái quát đặc điểm tình hình chung về Hội quần chúng ở địa phương.

**2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Kết luận số 102-KL/TW ở các cấp.
- Việc xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản của địa phương, đơn vị để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận số 102-KL/TW.
- Công tác kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kết luận số 102-KL/TW.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN****1. Thực trạng tình hình tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng**

- Tình hình tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng có đảng đoàn, hội quần chúng có tính đặc thù.
- Tình hình tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng khác.

**2. Kết quả công tác triển khai**

- Đối với các hội quần chúng có đảng đoàn và hội quần chúng có tính đặc thù.
- Đối với các hội quần chúng khác.

**3. Công tác quản lý nhà nước đối với hội quần chúng**

- Đối với các hội quần chúng có đảng đoàn và hội quần chúng có tính đặc thù.
- Đối với các hội quần chúng khác.

**4. Kết quả hoạt động của các hội quần chúng**

- Tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin, phổ biến kiến thức, nâng cao nghiệp vụ cho hội viên.
- Tư vấn, phản biện và giám định xã hội.
- Tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước:
  - + Trong lĩnh vực giảm nghèo; trong lĩnh vực tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.
  - + Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
  - + Trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- + Trong lĩnh vực thể dục, thể thao.
- + Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- + Trong lĩnh vực kinh tế.
- + Hoạt động từ thiện, nhân đạo và khắc phục hậu quả thiên tai.
- + Hoạt động ngoại giao nhân dân và hợp tác quốc tế.
- Lĩnh vực khác hoạt động theo tôn chỉ, mục đích của hội.

### **5. Công tác phối hợp hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với các hội quần chúng**

- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với các hội quần chúng là tổ chức thành viên.

- Vai trò nòng cốt của các tổ chức chính trị - xã hội đối với hội quần chúng.

### **6. Kinh phí, biên chế, cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện hoạt động của hội**

- Đối với các hội quần chúng có đảng đoàn và hội quần chúng có tính đặc thù.

- Đối với các hội quần chúng khác.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM**

1. Ưu điểm, nguyên nhân của những ưu điểm.

2. Hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân (nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan).

3. Một số kinh nghiệm.

### ***Phần thứ hai***

## **Nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với hội quần chúng**

### **I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

Các nhiệm vụ, giải pháp cơ bản, trọng tâm của địa phương đối với hội quần chúng thời gian tới

### **II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Kiến nghị với Trung ương

2. Kiến nghị với tỉnh

**Phụ lục 1**

Đơn vị.....

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày....tháng....năm 2019

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU TỔ CHỨC VÀ HỘI VIÊN CÁC HỘI QUẦN CHÚNG HOẠT ĐỘNG Ở ĐỊA PHƯƠNG**  
**(Từ năm 2014 đến 31/12/2018)**

-----

STT	Huyện, thị, thành phố	Số tổ chức hội	Số hội viên	Số cán bộ chuyên trách			Phạm vi hoạt động			Đánh giá chất lượng hoạt động				Có trụ sở làm việc	Có phương tiện hoạt động				Kinh phí hoạt động (triệu đồng/năm 2018)	
				Biên chế	Hợp đồng	CB nghỉ hưu	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tốt	khá	TB	Yếu		Số hội có ô tô	Số hội có xe máy	Hội có máy tính	Phương tiện khác	NS nhà nước cấp	Nguồn thu khác

**Phụ lục 2**

Đơn vị.....

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày....tháng....năm 2019

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ HOẠT ĐỘNG Ở ĐỊA PHƯƠNG  
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 68/2010/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
(Từ năm 2014 đến 31/12/2018)**

-----

STT	Số tổ chức hội/số hội có đảng đoàn	Số hội viên	Số cán bộ chuyên trách			Phạm vi hoạt động			Đánh giá chất lượng hoạt động				Có trụ sở làm việc	Có phương tiện hoạt động				Kinh phí hoạt động (triệu đồng/năm 2018)		Ghi chú
			Biên chế	Hợp đồng	CB nghỉ hưu	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tốt	khá	TB	Yếu		Số hội có ô tô	Số hội có xe máy	Hội có máy tính	Phương tiện khác	NS nhà nước cấp	Nguồn thu khác	

**Phụ lục 3**

Đơn vị.....

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày....tháng....năm 2019

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU TỔ CHỨC VÀ HỘI VIÊN Ở ĐỊA PHƯƠNG  
ĐƯỢC THÀNH LẬP SAU KẾT LUẬN SỐ 102-KL/TW  
(Từ năm 2014 đến 31/12/2018)**

-----

STT	Tên hội	Số hội viên	Số cán bộ chuyên trách			Phạm vi hoạt động			Đánh giá chất lượng hoạt động				Có trụ sở làm việc	Có phương tiện hoạt động				Kinh phí hoạt động (triệu đồng/năm 2018)		Ghi chú
			Biên chế	Hợp đồng	CB nghỉ hưu	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tốt	khá	TB	Yếu		Số hội có ô tô	Số hội có xe máy	Hội có máy tính	Phương tiện khác	NS nhà nước cấp	Nguồn thu khác	

**Phụ lục 4**

Đơn vị.....

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

... .., ngày...tháng...năm 2019

**THỐNG KÊ SẮP XẾP TỔ CHỨC HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG CÓ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ TƯƠNG ĐỒNG SAU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW, NGÀY 25/10/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XII SỐ LIỆU (Từ tháng 10/2017 đến 31/12/2018)**

-----

STT	Tên hội trước khi sắp xếp	Tên hội sau khi sắp xếp	Số cán bộ chuyên trách			Cách thức bố trí, sử dụng trụ sở làm việc	Có phương tiện hoạt động				Kinh phí hoạt động (triệu đồng/năm 2018)		Ghi chú
			Biên chế	Hợp đồng	CB nghỉ hưu		Số hội có ô tô	Số hội có xe máy	Hội có máy tính	Phương tiện khác	NS nhà nước cấp	Nguồn thu khác	



## Phụ lục 5

Đơn vị.....

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày....tháng....năm 2019

### **TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỘI QUẦN CHÚNG Ở ĐỊA PHƯƠNG (Từ năm 2014 đến 31/12/2018)**

-----

1. Số học bổng dành cho trẻ em nghèo	
Số lượng suất học bổng	Tổng số kinh phí
2. Số trợ cấp cho trẻ em nghèo, khó khăn	
Số trẻ em được cấp	Tổng số kinh phí
3. Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, yếu thế	
Số người được mua	Tổng số kinh phí
4. Hỗ trợ sửa chữa nhà	
Tổng số căn	Tổng số tiền
5. Hỗ trợ xây nhà cho gia đình chính sách	
Tổng số căn	Tổng số tiền
6. Hỗ trợ xây nhà cho người nghèo	
Tổng số căn	Tổng số tiền
7. Hỗ trợ bệnh nhân nghèo	
Tổng số người	Tổng số tiền
8. Hỗ trợ xây trường học	
Tổng số phòng	Tổng số tiền
9. Hỗ trợ làm đường	
Tổng số km	Tổng số tiền
10. Hỗ trợ xây cầu	
Tổng số cây cầu	Tổng số tiền
11. Hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường	
Tổng số đợt:	Tổng số tiền

Ngoài ra, căn cứ điều kiện, tính chất của từng địa phương có thể bổ sung phụ lục cụ thể, phù hợp.